TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X** **TỈNH NINH BÌNH** Bản án số: 21/2025/DS-ST Ngày: 30/9/2025 V/v: Kiện đòi tài sản cho vay	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X, TỈNH NINH BÌNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và ông Trần Xuân Phong.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực x, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực x, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực x, tỉnh Ninh Bình - cơ sở B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-DS ngày 08/8/2025 về việc "*Kiện đòi tài sản cho vay*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST- DS ngày 03/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST- DS ngày 22/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1986; đều thường trú và cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Ninh Bình.

+ Người đại diện theo uỷ quyền của anh Q: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986; nơi thường trú và cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Ninh Bình.

2. **Bị đơn**: Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1978; nơi thường trú và cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Ninh Bình.

(Có mặt chị H. Vắng mặt anh Q, anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự trình bày như sau:

1. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - anh Nguyễn Văn Q và cũng là nguyên đơn - chị Phạm Thị H trình bày: Anh Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Viết T là họ hàng đôi con dì con già với nhau; chị là vợ anh Q.

Ngày 21/10/2022, vợ chồng chị có thế chấp nhà đất để vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triên Nông thôn Việt Nam; chi nhánh Bình Lục, Hà Nam II (Sau đây viết tắt là Agribank – CN Bình Lục Hà Nam II) 1.700.000.000 đồng. Ngày 24/10/2022, anh T hỏi anh Q để vay 1.150.000.000 đồng và cam kết rằng sẽ trả toàn bộ số tiền trên trong vòng 01 tháng kể từ ngày kết thúc vay. Mục đích vay tiền, anh T nói là để trả tiền công xây nhà và làm vốn buôn bán vật liệu xây dựng; anh T sẽ trả lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng mà anh chị đang vay là 8,5%/năm.

Do là anh em họ hàng gần và tin tưởng nhau nên vợ chồng chị đồng ý. Sau đó anh Q đã 05 lần chuyển tiền từ tài khoản có số 2902205300366 của anh Q mở tại Agribank – CN Bình Lục Hà Nam II vào tài khoản của anh T để cho anh T vay; nguồn gốc số tiền anh chị cho anh T vay là một phần số tiền anh chị dùng nhà đất thế chấp ngân hàng để vay tiền. Các lần anh Q chuyển khoản cho anh T vay tiền cụ thể như sau: Ngày 24/10/2022: 300.000.000 đồng. Ngày 28/10/2022: 200.000.000 đồng. Ngày 31/10/2022: 300.000.000 đồng. Ngày 02/11/2022: 330.000.000 đồng. Ngày 07/11/2022: 20.000.000 đồng.

Sau 01 tháng, anh T không trả gốc cho anh chị. Vợ chồng chị nhiều lần đòi anh T thì anh T xin kéo dài thời hạn cho vay và anh T sẽ trả lãi tiền vay theo kỳ hạn của Ngân hàng. Vợ chồng chị cũng đồng ý.

Từ khi anh chị cho anh T vay tiền; anh T đã trả lãi cho anh chị được cụ thể như sau: Ngày 31/03/2023 trả 9.300.000 đồng. Ngày 01/04/2023 trả 43.000.000 đồng. Ngày 27/04/2023 trả 19.000.000 đồng. Ngày 12/04/2024 trả 16.000.000 đồng. Ngày 10/05/2024 trả 50.000.000 đồng. Ngày 20/05/2024 trả 43.000.000 đồng. Ngày 23/07/2024 trả 17.000.000 đồng.

Sau ngày 23/7/2024 anh T không trả anh chị bất kỳ một khoản tiền nào nữa. Do Ngân hàng yêu cầu anh chị trả nợ lãi nên anh chị cũng nhiều lần yêu cầu anh T trả tiền để anh chị trả lãi ngân hàng. Lúc đầu anh T còn xin khất và xác nhận bằng tin nhắn với anh Q vào ngày 12/04/2025 là anh T còn nợ vợ chồng chị 1.150.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả nhưng sau đó anh T không trả lời anh chị và cũng không gặp anh chị để nói chuyện dẫn đến vợ chồng chị rất bức xúc.

Nay chị đề nghị anh Nguyễn Viết T trả toàn bộ số tiền đã vay chưa trả và lãi của số tiền vay chưa trả được tính theo mức lãi suất mà Agribank – CN Bình Lục Hà Nam II đang áp dụng đối với khoản vay của anh chị là 8,5%/năm; thời điểm tính lãi từ ngày 24/7/2024 cho đến khi anh T trả nợ xong cho anh chị.

2. **Bị đơn – anh Nguyễn Viết T trình bày**: Anh vay của anh Q số tiền 1.150.000.000 đồng với mức lãi 8,5%/ năm; hiện anh mới trả lãi đến ngày 23/7/2024 và chưa trả gốc. Do hiện anh làm ăn thua lỗ, nợ nhiều nên anh chỉ có thể trả anh Q mỗi tháng 10.000.000 đồng nợ gốc, sau làm ăn được anh sẽ trả hết cả gốc và lãi.

II. Tại phiên toà, chị Phạm Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và được nêu ở trên. Chị đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả lại vợ

chồng anh chị tiền đã vay; cụ thể: 1.150.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tính theo mức lãi suất 8,5%/năm, tạm tính từ ngày 24/7/2024 đến ngày 30/9/2025 = 116.228.767 đồng

III. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực x, tỉnh Ninh Bình có quan điểm:

1. Về tố tụng, Tòa án nhân dân khu vực x, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm Q; quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2025. Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị H.

***** Buộc anh anh Nguyễn Viết T trả anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị H 1.150.000.000 đồng nợ gốc và 116.229.000 đồng tiền lãi được tạm tính từ ngày 24/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2025).

***** Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về giao dịch cho vay tài sản; bị đơn - anh Nguyễn Viết T có nơi thường trú và cư trú tại thôn T, xã B, tỉnh Ninh Bình. Do vậy Tòa án nhân dân khu vực x, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn - anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Bị đơn - anh Nguyễn Viết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, các khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của các đương sự; Hội đồng xét xử thấy có đủ chứng cứ để xác định: Do có mối quan hệ họ hàng gần gũi (anh Q, anh T là đôi con dì,

con già) nên vào khoảng cuối tháng 10/2022 vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị H đã cho anh Nguyễn Viết T vay 1.150.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận anh T phải trả lãi cho anh Q, chị H với mức lãi suất 8,5%/năm vì tiền cho anh T vay là do anh Q chị H đi vay của ngân hàng với mức lãi suất 8,5%/năm. Mặc dù việc cho vay hai bên không lập T văn bản nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết thì hai bên đều thừa nhận nội dung này.

Từ khi vay cho đến ngày 23/7/2024 thì anh T đã 07 lần trả lãi tiền vay, với tổng số tiền = 197.300.000 đồng cho vợ chồng anh Q chị H. Sau đó anh T không trả lãi cho vợ chồng anh Q chị H mặc dù anh Q chị H đã rất nhiều lần yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Việc làm này của anh T đã vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do vậy vợ chồng anh Q chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả nợ anh Q chị H tiền gốc và tiền lãi phát sinh là có căn cứ, đúng quy định nên được chấp nhận.

Đối với mức lãi suất 8,5%/năm mà anh Q, chị H yêu cầu là phù hợp với quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên; Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh Nguyễn Viết T có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Văn Q 1.150.000.000 đồng nợ gốc và lãi tạm tính từ ngày 24/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2025) là 01 năm 69 ngày; cụ thể tính như sau: Lãi = (1.150.000.000 đồng x 8,5%/năm x 01 năm) + [(1.150.000.000 đồng x 8,5%/năm x 01 năm) : 365 ngày x 69 ngày] = 97.750.000 đồng + 18.479.000 đồng = 116.229.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh - Nguyễn Viết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền anh phải trả được tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2025) là 1.150.000.000 đồng nợ gốc + 116.229.000 đồng nợ lãi = 1.266.229.000 đồng, cụ thể như sau: 36.000.000 đồng + (1.266.229.000 đồng – 800.000.000 đồng) x 3% = 49.986.870 đồng; làm tròn thành 49.987.000 đồng.

Hoàn trả cho anh Q, chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị H.

Buộc anh Nguyễn Viết T trả anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị H 1.150.000.000 đồng nợ gốc và 116.229.000 đồng tiền lãi được tạm tính từ ngày 24/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2025).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Viết T phải nộp 49.987.000 đồng.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị H 24.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực x, tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0000384 ngày 07/8/2025

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị H biết được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Q, anh T biết được Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực x - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)